

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC: THỰC TRẠNG, VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

Lê Đăng Minh

Trường Đại học Văn Hiến

ledangminh@yahoo.com

Ngày nhận bài: 01/4/2016; Ngày duyệt đăng: 30/8/2016.

TÓM TẮT

Trung Quốc và Việt Nam là hai nước láng giềng có chung đường biên giới trên bộ dài 1.281km, có quan hệ nhiều mặt, lâu đời, truyền thống. Trong đó, quan hệ thương mại giữa hai nước ngày càng gia tăng mạnh mẽ và ảnh hưởng nhiều mặt đến tiến trình phát triển kinh tế, xã hội của cả hai bên. Tuy nhiên, liên tiếp trong hơn một thập kỷ qua, cán cân thương mại giữa hai nước luôn thâm hụt, theo chiều hướng bất lợi cho Việt Nam. Những định hướng và giải pháp nhằm cải thiện cán cân thương mại, giảm nhập siêu từ Trung Quốc để tạo tiền đề phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và phát triển kinh tế bền vững, xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Từ khóa: Cán cân thương mại, kim ngạch xuất nhập khẩu, thương mại Việt – Trung, nhập siêu, ACFTA, BTA...

ABSTRACT

Vietnam – China trade relations: Current situations, problems and solutions

China and Vietnam are two neighboring countries which share a 1,281 kilometers border, and a multi-lateral, long-standing and traditional relationship. In particular, trade relationship between the two countries is developing fast and affecting many aspects of the socio-economic development process of both sides. However, within more than a decade, the trade balance between the two countries is always in deficit status towards Vietnam. Orientations and solutions have been raised to improve the trade balance, reduce import surplus from China and initiate prerequisites in order to develop supporting industries, enhance the competitiveness of Vietnam's products, step-by-step participate in the global value chain and the development a sustainable economy, and set up the foundation to soon turn our country into a modern and industrialized country.

Key words: Trade balance, exports and imports turn-over, Vietnam - China trade, import surplus, ACFTA, BTA...

I. Dẫn nhập

Trung Quốc và Việt Nam là hai nước có mối quan hệ lâu đời, truyền thống. Quan hệ Việt - Trung ngày càng được củng cố, phát triển và mang lại lợi ích xã hội kinh tế cho cả hai bên. Với sự hợp tác phát triển không ngừng của hai nước, đặc biệt trong lĩnh vực hợp tác thương mại - kinh tế đến nay Trung Quốc trở thành đối tác hàng đầu của Việt Nam với nhiều dự án đầu tư quy mô lớn. Với Việt Nam, Trung Quốc đứng đầu trong số các nước xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam và đứng thứ ba trong số những hàng hóa nhập khẩu tại Việt Nam (sau Mỹ và Nhật Bản). Trong năm 2000 Việt Nam có thặng dư cán cân thương mại (CCTM) với Trung Quốc là 111

triệu USD, tuy nhiên khuynh hướng này đã thay đổi từ năm 2001 khi CCTM luôn bị thâm hụt từ 211 triệu USD năm 2001 lên 663 triệu năm 2002, hơn 9 tỷ USD năm 2007 và khoảng 32,5 tỷ USD năm 2015. Điều này dẫn tới nhiều đánh giá rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau của tác động trao đổi thương mại Việt - Trung đến đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam. Vấn đề đặt ra là một khi CCTM giữa hai nước liên tục thâm hụt, liệu Việt Nam phải điều chỉnh thâm hụt này như thế nào để đảm bảo tăng trưởng kinh tế, nâng cao tính cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu và thay thế nhập khẩu mà không ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô như nợ nước ngoài, biến động giá cả và thực hiện các cam kết hội

nhập kinh tế quốc tế.

Bài viết này sẽ tập trung vào việc nghiên cứu đánh giá chính xác và khoa học thực trạng cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc, trên cơ sở đó đưa ra các định hướng và đề xuất giải pháp cải thiện cán cân thương mại giữa hai nước trong thời gian tới.

II. Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc: thực trạng, vấn đề và giải pháp

1. Kim ngạch thương mại Việt Nam - Trung Quốc

1.1. Kim ngạch thương mại Việt - Trung ngày càng gia tăng mạnh mẽ

Trong 25 năm qua, kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao, tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với Trung Quốc đã tăng gấp hơn 2.220 lần, từ mức hơn 30 triệu USD năm 1991 lên tới 66,6 tỷ USD năm 2015. Đặc biệt, trong thời gian từ năm 2001 đến nay, quan hệ thương mại Việt-Trung có bước phát triển mạnh mẽ và liên tục, tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu bình quân đạt 27,4%/năm, trong đó, nhập khẩu tăng trung bình 32,10%/năm và xuất khẩu tăng 21,20%/năm [7]. Trong những năm gần đây, bất chấp nền kinh tế thế giới vẫn phải đối mặt vô vàn khó khăn và đà tăng trưởng kinh

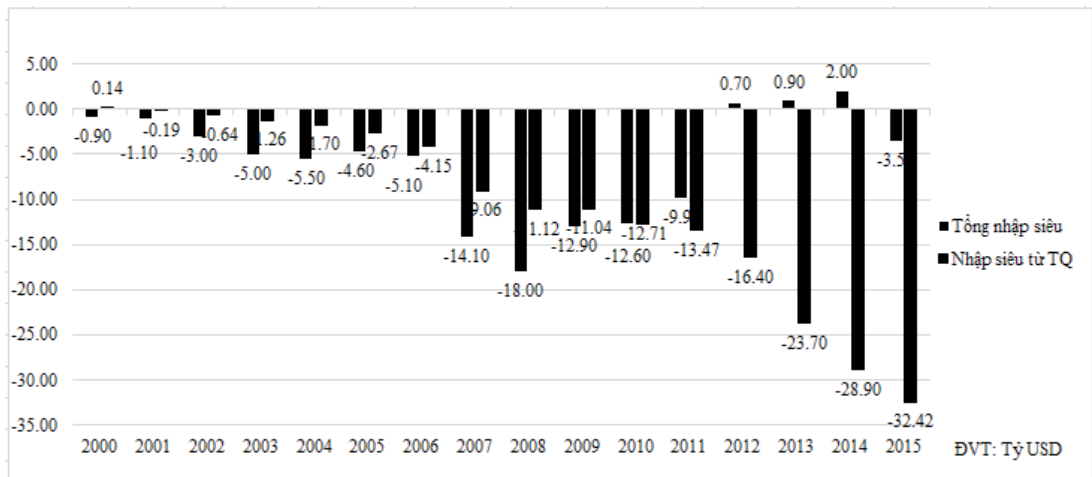
tế của Trung Quốc đang chậm dần, nhưng quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc vẫn tiếp tục gia tăng mạnh mẽ. Cụ thể, năm 2014, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc đạt 58,64 tỷ USD, tăng 16,9 % so với năm 2013; trong đó, kim ngạch nhập khẩu đạt 43,71 tỷ USD, tăng 18,3% và kim ngạch xuất khẩu đạt 14,93 tỷ USD, tăng 12,6% so với năm 2013. Năm 2015, theo thống kê của Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch thương mại Việt - Trung đạt 66,6 tỷ USD, tăng 13,4% so với năm 2014. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam đạt 17,1 tỷ USD, tăng 14,8%; nhập khẩu đạt 49,52 tỷ USD, tăng 13,3%; đặc biệt, nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc, tăng 12,5%, lên mức kỷ lục 32,42 tỷ USD¹ (Xem Bảng 1). Đó là chỉ tính theo những thống kê chính thức của Việt Nam, còn nếu tính cả các con số phi chính thức, như buôn lậu,... hoặc nếu theo các thống kê của Trung Quốc, thì tỷ trọng hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc còn cao hơn và lên đến gần 50% tổng kim ngạch nhập khẩu. Như vậy, có thể nói, một nền kinh tế với quy mô chỉ chừng 200 tỷ USD mà giá trị hàng hoá xuất nhập khẩu với Trung Quốc lại lên đến mức xấp xỉ 70 tỷ USD (tức là chừng 1/3 GDP, theo thống kê của Việt Nam) hoặc xấp xỉ 100

Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2000 – 2015

| Năm | TỔNG KNXNK (Tỷ USD) | | | KNXNK Việt - Trung (Tỷ USD) | | | Tốc độ KNXNK với TQ | | Tỷ trọng KNXNK với TQ so với Tổng KNXNK | |
|---|------------------------|--------|--------|--------------------------------|-------|--------|------------------------|---------------|---|-------|
| | XK | NK | CCTM | XK | NK | CCTM | XK | NK | XK | NK |
| 2000 | 14,3 | 15,20 | -0,90 | 1,54 | 1,40 | 0,14 | | | 10,7% | 9,2% |
| 2001 | 15,0 | 16,10 | -1,10 | 1,42 | 1,61 | -0,19 | -7,7% | 14,6% | 9,4% | 10,0% |
| 2002 | 16,70 | 19,70 | -3,00 | 1,52 | 2,16 | -0,64 | 7,1% | 34,4% | 9,1% | 11,0% |
| 2003 | 20,20 | 25,20 | -5,00 | 1,88 | 3,14 | -1,26 | 24,0% | 45,4% | 9,3 | 12,5% |
| 2004 | 26,50 | 32,00 | -5,50 | 2,90 | 4,60 | -1,70 | 54,0% | 46,4% | 10,9% | 14,4% |
| 2005 | 32,40 | 37,00 | -4,60 | 3,23 | 5,90 | -2,67 | 11,3% | 28,4% | 10,0% | 15,9% |
| 2006 | 39,80 | 44,90 | -5,10 | 3,24 | 7,39 | -4,15 | 0,5% | 25,3% | 8,1% | 16,5% |
| 2007 | 48,60 | 62,70 | -14,10 | 3,65 | 12,71 | -9,06 | 12,4% | 72,0% | 7,5% | 20,3% |
| 2008 | 62,70 | 80,70 | -18,00 | 4,85 | 15,97 | -11,12 | 33,0% | 25,7% | 7,7% | 19,8% |
| 2009 | 57,10 | 70,00 | -12,90 | 5,40 | 16,44 | -11,04 | 11,4% | 2,9% | 9,5% | 23,5% |
| 2010 | 72,20 | 84,80 | -12,60 | 7,31 | 20,02 | -12,71 | 35,3% | 21,8% | 10,1% | 23,6% |
| 2011 | 96,90 | 106,80 | -9,90 | 11,13 | 24,59 | -13,47 | 52,2% | 22,9% | 11,5% | 23,0% |
| 2012 | 114,50 | 113,80 | 0,70 | 12,39 | 28,79 | -16,40 | 11,3% | 17,0% | 10,8% | 25,3% |
| 2013 | 132,20 | 131,30 | 0,90 | 13,10 | 36,80 | -23,70 | 5,7% | 27,8% | 9,9% | 28,0% |
| 2014 | 150,00 | 148,00 | 2,00 | 14,80 | 43,70 | -28,90 | 13,0% | 18,8% | 9,9% | 29,5% |
| 2015 | 162,11 | 165,65 | -3,54 | 17,10 | 49,52 | -32,42 | 14,8% | 13,3% | 10,5% | 29,9% |
| Tốc độ gia tăng bình quân hàng năm | | | | | | | 21,20% | 32,10% | | |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan (Việt Nam)

¹ Ban hợp tác quốc tế, VCCI, 2015, Hồ sơ thị trường Trung Quốc. Hà Nội và theo <http://vccinews.vn/news/15382/trung-quoc-tiep-tuc-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-viet-nam.html>.



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan (Việt Nam)

Hình 1: Nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc

tỷ USD (tức chừng gần $\frac{1}{2}$ GDP, theo thống kê của Trung Quốc), xem ra Việt Nam đã trở thành “một bộ phận không thể tách rời” của nền kinh tế Trung Quốc và Việt Nam trên thực tế đang trở thành “sân nhà” cho các sản phẩm “Made in China”. Có thể nói, cùng với thời gian, đây đang trở thành một mối lo thực sự khi mức độ phụ thuộc của thương mại Việt Nam đối với Trung Quốc đang ngày càng lớn hơn.

1.2. Tình trạng nhập siêu kéo dài với mức độ ngày càng lớn

Cùng với sự gia tăng nhanh chóng của kim ngạch buôn bán hai chiều, cũng như chênh lệch tốc độ tăng giữa xuất và nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc theo hướng bất lợi cho Việt Nam, CCTM ngày càng nghiêng về hướng có lợi cho Trung Quốc và bất lợi cho Việt Nam (Hình 1).

Kể từ khi Trung Quốc gia nhập WTO (năm 2001), Việt Nam liên tục nhập siêu từ Trung Quốc với xu hướng ngày càng tăng. Cụ thể, nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc năm 2002 là 0,64 tỷ USD (gấp hơn 3 lần so với khoảng 0,19 tỷ USD của năm 2001), năm 2005 lên gần 2,7 tỷ USD (gấp 14 lần), năm 2010 lên 12,7 tỷ USD (gấp hơn 66 lần), năm 2014 lên 28,9 tỷ USD (gấp hơn 152 lần) và năm 2015 đạt tới mức kỷ lục 32,4 tỷ USD, tăng hơn 12,1% so với năm 2014, và gấp hơn 170 lần năm 2001. Điều đáng lo là, nhập siêu từ Trung Quốc chiếm tỷ trọng quá lớn trong tổng nhập siêu của Việt Nam đối với toàn thế giới. Xem xét tương quan giữa CCTM Việt - Trung với CCTM chung của Việt Nam

với toàn thế giới, có thể thấy, trong giai đoạn nghiên cứu, tỉ trọng nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc trong tổng nhập siêu chung của Việt Nam đã tăng đột biến từ 18% năm 2001 (0,19 tỷ USD so với 1,1 tỷ USD), lên 64% năm 2007 (9,06 tỷ USD so với 14,1 tỷ USD), 86% năm 2009 (11,04 tỷ USD so với 12,9 tỷ USD), hơn 100% năm 2010 (12,71 tỷ USD so với 12,6 tỷ USD) và 136% năm 2011 (13,47 tỷ USD so với 9,9 tỷ USD). Thậm chí, vào các năm 2012, 2013 và 2014, CCTM chung của Việt Nam đã thặng dư (dù ở mức thấp), thì CCTM riêng với Trung Quốc vẫn thâm hụt nặng nề, tương ứng là 16,4 tỷ USD, 23,70 tỷ USD và 28,9 tỷ USD. Đặc biệt, năm 2015, nhập siêu từ Trung Quốc gấp khoảng 9,6 lần so với mức nhập siêu chung.

Thực trạng thâm hụt nặng nề của Việt Nam với Trung Quốc và thặng dư của Việt Nam với phần còn lại của thế giới như trên cho thấy, Việt Nam đang phải dùng thặng dư thương mại với các quốc gia khác để bù đắp cho thiếu hụt thương mại nặng nề với Trung Quốc, hay nói cách khác, Việt Nam đang xuất khẩu hộ cho Trung Quốc. Tuy nhiên, đáng tiếc là, khả năng bù đắp này cũng đang có chiều hướng giảm dần, do nhập siêu từ Trung Quốc vẫn tăng nhanh trong khi xuất khẩu sang các thị trường khác bị thu hẹp vì nhiều lý do.

Từ Bảng 1, xem xét cụ thể hơn ta thấy, trong giai đoạn 2001-2015, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của nhập khẩu Việt Nam từ Trung Quốc đạt khoảng 32,10%, gấp 1,5 lần tốc

độ tăng của xuất khẩu Việt Nam sang Trung Quốc (tăng khoảng 21,20%), và cao hơn hẳn tốc độ tăng nhập khẩu nói chung của cả nước trong cùng giai đoạn. Về giá trị, nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc tăng khoảng 30,25 lần sau 15 năm, từ 1,61 tỉ USD năm 2001 lên 49,52 tỉ USD năm 2015, trong khi đó, giá trị hàng xuất khẩu Việt Nam-Trung Quốc chỉ tăng khoảng 12,21 lần, từ mức 1,42 tỉ USD năm 2001 lên 17,1 tỉ USD năm 2015. Sự chênh lệch lớn và kéo dài về tốc độ giữa xuất khẩu và nhập khẩu như vậy đã khiến cho thâm hụt thương mại của Trung Quốc và Việt Nam ngày càng lớn và kéo dài. Nếu năm 2001, nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm chưa đến 10,0% tổng nhập khẩu của Việt Nam, thì đến năm 2011, tỷ lệ này đã là 23,0% (gấp 2,3 lần) và năm 2015 là 29,9%, gấp 3 lần. Trong khi đó, xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc hầu như không đổi, chỉ chiếm trên dưới 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Tốc độ gia tăng nhập khẩu từ Trung Quốc liên tục lớn hơn tốc độ gia tăng xuất khẩu sang thị trường này và giá trị nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc gấp khoảng 2-3 lần giá trị xuất khẩu và chưa thấy dấu hiệu thu hẹp đã và đang khiến tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng. Chẳng hạn, tốc độ tăng nhập khẩu cao gấp 1,5 lần so với tốc độ tăng xuất khẩu (giai đoạn 2001-2015) đã lý giải cho tình trạng thâm hụt thương mại ngày càng lớn của Việt Nam với Trung Quốc.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là những số liệu chính thức mà cơ quan chức năng thống kê được, chứ chưa tính đến giá trị hàng hoá nhập lậu từ Trung Quốc, vốn tràn lan trên thị trường Việt Nam. Phải chăng đó là một trong những lý do chính khiến số liệu của cơ quan thống kê Trung Quốc về giá trị Trung Quốc xuất khẩu sang Việt Nam và cơ quan thống kê Việt Nam về giá trị Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc chênh nhau tới gần 20 tỷ USD chỉ riêng trong năm 2014 và 16,62 tỉ USD năm 2015.

Điều đó chứng tỏ Việt Nam ngày càng phụ thuộc nặng nề hơn vào nguồn cung cấp (cả hàng tiêu dùng lẫn sản xuất) từ thị trường Trung Quốc.

1.3. Tính chất Bắc - Nam trong cơ cấu xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc

Cho đến nay, Việt Nam thường xuất khẩu

những gì sang thị trường Trung Quốc và nhập khẩu trở lại những gì từ thị trường này? Là một thị trường liền kề, có chung đường biên trên bộ dài trên 1.000 km, lại có nền kinh tế phát triển và một thị trường xấp xỉ 1,4 tỷ dân với đòi hỏi về chất lượng hàng hóa không quá khắt khe, nên Việt Nam mong muốn xuất nhập khẩu nhiều với Trung Quốc là tất yếu.

Trong chiều xuất khẩu, với lợi thế của mình Việt Nam đã tập trung xuất khẩu sang Trung Quốc 4 nhóm hàng chính, với khoảng 100 mặt hàng là:

- Nhóm nguyên nhiên liệu: dầu thô, than, quặng kim loại, các loại hạt có dầu, dược liệu (cây làm thuốc),...

- Nhóm nông sản: lương thực (gạo, sắn khô), rau củ quả (đặc biệt là các loại hoa quả nhiệt đới như: chuối, xoài, chôm chôm, thanh long...), chè, hạt điều;

- Nhóm thủy sản: thủy sản tươi sống, thủy sản đông lạnh, một số loại mang tính đặc sản như: rắn, rùa, ba ba,...

- Nhóm hàng tiêu dùng: hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, đồ gỗ cao cấp, bột giặt, bánh kẹo,...

Trong đó, riêng nhóm hàng nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng 31,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc và 20,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước.

Cùng với thời gian và nỗ lực của các tổ chức và doanh nghiệp có liên quan, cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đã có cải thiện theo chiều hướng tích cực. Nếu trong giai đoạn 2000 - 2006, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu nhóm hàng xăng dầu và các hàng hóa sơ chế (87,5%, gồm lương thực, thực phẩm sơ chế và công nghiệp trung gian sơ chế), thì trong giai đoạn 2010 - 2015, nhóm hàng này đã giảm còn khoảng 30,0%. Đồng thời, các nhóm hàng qua chế biến, hàng hóa thâm dụng vốn nhiều hơn xuất sang Trung Quốc đã có sự tăng trưởng tốt về giá trị và cũng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam².

Tuy vậy, xét về hàm lượng công nghệ hàng xuất khẩu của Việt Nam, mặc dù có cải thiện,

² http://www.vba.com.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=21362:tpp-giup-vit-nam-gim-nhp-sieu-t-trung-quc&catid=71:phong-su&Itemid=101.

song hàm lượng công nghệ trong xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc vẫn chậm được cải thiện và vẫn thua kém phần lớn các nước trong khu vực. Theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), hàng xuất khẩu Việt Nam chỉ hơn được Indonesia về tỷ lệ công nghệ cao, còn lại đều kém một số nước ASEAN và bị bỏ xa so với Hàn Quốc và Nhật Bản. Như vậy, có thể nói, việc các sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ trung bình không được cải thiện, trong khi các sản phẩm này lại phản ánh mức độ công nghiệp hóa thực sự, là một điểm đáng chú ý đối với Việt Nam³.

- **Ở chiều ngược lại**, những hàng hóa Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc lại tập trung vào nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo là chính, trong đó có 9 nhóm hàng thường đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD như máy móc thiết bị, phụ tùng; sắt thép các loại; điện thoại các loại và linh kiện; hóa chất; sản phẩm từ chất dẻo; ô tô các loại; vải các loại; nguyên phụ liệu dệt may da giày. Riêng trong năm 2013, nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, phụ tùng, dụng cụ đã chiếm khoảng 18% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc; tiếp theo là nhóm nguyên phụ liệu dệt may da giày chiếm 15%; nhóm điện thoại các loại và linh kiện chiếm 15%;

nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 12%; nhóm sắt thép các loại và sản phẩm chiếm 9%; còn lại là các nhóm hàng hóa khác (xem Bảng 2). Như trên đã phân tích, đến năm 2015, Trung Quốc tiếp tục là thị trường dẫn đầu về cung cấp hàng hóa cho Việt Nam, trong đó, các mặt hàng chính nhập khẩu từ Trung Quốc trong năm 2015 vẫn là: máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng đạt 9,03 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2014; điện thoại các loại và linh kiện: 6,9 tỷ USD, tăng 8,7%; vải các loại: 5,22 tỷ USD, tăng 12,1%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 5,21 tỷ USD, tăng 13,9%...⁴.

Với cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu hai chiều mang đậm đặc trưng của mối quan hệ thương mại giữa một nước phát triển và kém phát triển như vậy, Việt Nam nhập siêu và phụ thuộc nặng nề vào nhập khẩu từ Trung Quốc là tất yếu và khả năng trong các năm tới có thể vẫn ở mức cao.

1.4 Vị thế của Việt Nam trong quan hệ thương mại song phương với Trung Quốc

Thực tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc đến nay cho thấy, Việt Nam ngày càng trở thành một thị trường xuất khẩu quan trọng đối với Trung Quốc. Trong 69 nước mà Việt Nam nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu, Trung Quốc là quốc

Bảng 2: Cơ cấu hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc, năm 2013

| Chi tiết | Kim ngạch nhập khẩu (Tỷ USD) | Tỷ lệ trong nhập khẩu từ Trung Quốc (%) | Tỷ lệ trong tổng nhập khẩu (%) |
|--------------------------------------|------------------------------|---|--------------------------------|
| 1. Sử dụng cho sản xuất | 15,51 | 42 | 11,7 |
| - Nguyên phụ liệu dệt may, da giày | 5,54 | 15 | 4,2 |
| - Máy móc thiết bị | 6,65 | 18 | 5,0 |
| - Sắt thép và sản phẩm | 3,32 | 9 | 2,5 |
| 2. Vừa tiêu dùng vừa sản xuất | 5,54 | 15 | 4,2 |
| - Máy tính, linh kiện | 4,43 | 12 | 3,3 |
| - Xăng dầu | 1,10 | 3 | 0,9 |
| 3. Tiêu dùng đơn thuần | 15,90 | 43 | 12 |
| - Điện thoại, linh kiện | 5,54 | 15 | 4,2 |
| - Hàng hóa khác | 10,36 | 28 | 7,8 |

Nguồn: Lê Đăng Doanh (2014)

³<http://cafef.vn/vi-m0-dau-tu/nhung-con-so-khong-the-bo-qua-ve-quan-he-thuong-mai-viet-nam-trung-quoc-20160215122454056.chn>

⁴ http://www.vba.com.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=21362:tpg-giup-vit-nam-gim-nhp-sieu-t-trung-quc&catid=71:phong-su&Itemid=101

gia có lượng hàng hóa nhập vào Việt Nam cao nhất, chiếm 29,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam năm 2015. Trung Quốc giữ vị trí dẫn đầu với mức cách biệt lớn, vượt xa Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan,... về giá trị nhập khẩu vào Việt Nam⁵. Đáng chú ý, Trung Quốc tham gia cung cấp sản phẩm cho tất cả những mặt hàng trong nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất ở Việt Nam, từ máy móc thiết bị, máy vi tính, sản phẩm điện tử đến điện thoại, vải và sắt thép các loại, nguyên phụ liệu cho dệt may, da giày. Ở mặt hàng nào Trung Quốc cũng là nhà cung cấp nhất nhì cho Việt Nam. Ngay Hàn Quốc có lợi thế ở Việt Nam trong cung cấp hàng điện tử, điện thoại, máy móc, thiết bị,... cũng phải nhường sân cho Trung Quốc trong một số lĩnh vực. Cụ thể Trung Quốc đã vượt qua Hàn Quốc để trở thành nhà cung cấp điện thoại và linh kiện lớn nhất cho Việt Nam, với tổng giá trị cung cấp là 5,1 tỉ USD⁶.

Đặc biệt, có thể nói, Việt Nam đang ngày càng phụ thuộc (nếu không muốn nói là lệ thuộc) đáng kể vào nguồn cung cấp hàng hóa từ Trung Quốc. Cụ thể, trong nhiều năm gần đây, Trung Quốc chiếm đến 1/6-1/7 kim ngạch xuất khẩu và 1/4-1/3 kim ngạch nhập khẩu và tới trên 100% nhập siêu chung của Việt Nam hàng năm. Hầu như toàn bộ xuất siêu của Việt Nam với các nước khác chỉ đủ để bù đắp cho thiếu hụt trong buôn

bán với Trung Quốc. Hơn thế nữa, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam hầu như chỉ dựa vào thị trường tiêu thụ của Trung Quốc để tồn tại và hầu hết các ngành đều phải dựa vào nhập khẩu nguyên liệu và thiết bị (lạc hậu) của Trung Quốc để sản xuất và nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam (như dệt may, giày dép,...) phải dựa vào các vật tư, nguyên liệu đầu vào từ Trung Quốc để sản xuất và xuất khẩu. Có thể không ngoa khi nhiều người cho rằng, Việt Nam chẳng khác gì “một cửu vạn làm thuê cho Trung Quốc” thông qua việc nhập nguyên liệu và thiết bị (lạc hậu) từ Trung Quốc, rồi gia công và xuất khẩu để ăn chênh lệch (không đáng kể) nhờ giá nhân công rẻ mạt, hay nhiều ngành kinh tế Việt Nam là “cánh tay nối dài” của nhiều ngành kinh tế Trung Quốc⁷. Đồng thời, Việt Nam chỉ là nguồn cung cấp rẻ mạt, bị động và luôn bị gây khó dễ, các hàng nông sản, khoáng sản và nguyên liệu thô cho “công xưởng thế giới” Trung Quốc.

Từ năm 2004, Trung Quốc đã vượt Mỹ trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam và hiện nay, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 2 của Trung Quốc trong ASEAN sau Malaysia, trong khi Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất và thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của Việt Nam (sau Mỹ, EU và ASEAN)⁸.

Về xuất khẩu, Trung Quốc tiếp tục duy trì là thị trường xuất khẩu đơn lẻ lớn thứ hai của Việt Nam

⁵ Con số nhập khẩu này từ Trung Quốc vượt xa thị trường lớn thứ hai của Việt Nam là Hàn Quốc. Trong năm 2015, Việt Nam nhập khẩu 16,7 tỷ USD giá trị hàng hóa từ Hàn Quốc, tăng 26,6% so với năm trước, giúp thị phần của nước này tăng mạnh từ 14,7% năm 2014 lên 16,7% năm 2015.

⁶ Ngọc Thủy, *Phía sau nhập siêu*, <http://nhipcaudautu.vn/kinh-te/phia-sau-nhap-sieu-3290846/#ixzz3qJjVKePR>, ngày 02/11/2015.

⁷ Trong nhiều năm qua, chỉ riêng một mình Trung Quốc đã cung cấp tới 1/4 nguyên liệu đầu vào cho nền kinh tế Việt Nam trong khi Việt Nam trao đổi thương mại với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó, Trung Quốc thường cung cấp đến trên 60% (thậm chí hơn) nguyên liệu đầu vào cho các ngành chế biến xuất khẩu của Việt Nam, đồng thời, Trung Quốc cũng là nước cung cấp cho Việt Nam những thiết bị, công nghệ rẻ tiền để chúng ta gia tăng xuất khẩu trong giai đoạn vừa qua. Do đó, nếu Việt Nam càng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng phụ thuộc Trung Quốc thì tất nhiên Việt Nam càng khó có điều kiện để giảm nhập khẩu từ nước này. Hơn nữa, nếu TPP chính thức có hiệu lực, thì nguyên tắc xuất xứ hàng hoá sẽ làm khó cho rất nhiều ngành và doanh nghiệp của Việt Nam vì thực tế phụ thuộc lớn vào nguyên nhiên liệu và thiết bị từ Trung Quốc như thế.

⁸ Tuy vậy, theo thống kê của phía Trung Quốc, năm 2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam và Trung Quốc đạt 95,8 tỷ USD, tăng 14,6% so với năm 2014, trong đó xuất khẩu của Trung Quốc sang Việt Nam đạt 66,1 tỷ USD, tăng 3,8% năm 2014, nhập khẩu của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 29,7 tỷ USD, tăng 49,1%. Kim ngạch thương mại Việt - Trung hiện chiếm 2,4% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc, tăng 1,4 điểm phần trăm so với thời điểm 5 năm trước. Riêng trong tháng 1/2016, kim ngạch thương mại Việt - Trung đã đạt 7,8 tỷ USD, trong khi giá trị trao đổi thương mại hai chiều giữa Malaysia và Trung Quốc chỉ là 6,5 tỷ USD. Theo ông Hồ Tòia Cẩm, Tham tán Thương mại Trung Quốc tại Hà Nội, nếu cứ đà tăng trưởng như vậy, hai nước có thể hoàn thành mục tiêu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 100 tỷ USD trong năm 2016, sớm hơn một năm so với thời hạn mà các nhà lãnh đạo hai nước đã đặt ra và, ông khẳng định, “Việt Nam chắc chắn sẽ trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong khối ASEAN trong năm 2016” Theo <http://bnews.vn/viet-nam-co-the-thanh-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-trung-quoc-o-asean-trong-nam-2016/11043.html>.

sau Mỹ. Năm 2015, Trung Quốc chiếm 10,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tăng từ mức 9,9% của năm 2014, nhưng Việt Nam chỉ chiếm một tỉ lệ không đáng kể trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc, chưa đầy 0,1%.

1.5 Về thương mại biên giới Việt - Trung⁹

Quan hệ thương mại biên giới là một mảng quan trọng trong bức tranh chung về quan hệ thương mại Việt-Trung; đồng thời, thương mại biên giới cũng tác động đáng kể đến quan hệ thương mại chung giữa hai quốc gia. Do hai nước có chung đường biên giới trên bộ dài khoảng hơn 1.280km với 21 cửa khẩu, 4 cửa khẩu quốc tế, 7 cửa khẩu chính, 10 cửa khẩu phụ tiểu ngạch, 56 đường mòn, và 13 chợ biên giới, tạo điều kiện cho sự phát triển, giao lưu buôn bán giữa hai nước nói chung và thương mại biên giới 2 nước nói riêng. Tổng kim ngạch XNK hàng hóa của các tỉnh biên giới phía Bắc với Trung Quốc, trong nhiều năm, chiếm tỉ trọng khá cao trong tổng kim ngạch thương mại hai nước, bình quân khoảng 25-26%. Riêng năm 2015, theo số liệu thống kê của Vụ thương mại Biên giới và Miền núi (Bộ Công thương), tổng kim ngạch mua bán, trao đổi hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới ước đạt 27,56 tỷ USD, tăng 27% so với năm 2014, trong đó, tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc chiếm khoảng 85%, tức khoảng 2343 tỉ USD¹⁰.

Hàng hóa XNK qua các cửa khẩu phong phú, đa dạng về chủng loại. hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc theo đường sắt chủ yếu là khoáng sản (quặng sắt, tinh quặng sắt, than cám, tinh quặng chì,...), những mặt hàng xuất khẩu theo biên giới đường bộ chủ yếu là nông sản, cao su, hạt điều, hoa quả tươi, sắn, các loại thủy hải sản khô và đông lạnh như cá, mực, tôm, cua,... hàng thủ công mỹ nghệ, các loại gia cầm.

Hàng nhập khẩu từ Trung Quốc qua các cửa khẩu vào Việt Nam gồm: máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp như máy móc nông nghiệp loại nhỏ, máy bơm nước, máy móc thiết bị phục vụ cho một số ngành sản xuất công nghiệp, chế biến thực phẩm, dụng cụ y tế, nguyên liệu phục

vụ các ngành sản xuất thuốc lá, dệt may, các loại hóa chất phục vụ nhiều ngành sản xuất, hàng tiêu dùng như các công cụ lao động, hàng điện tử, và các loại thực phẩm rau quả,...

Đặc điểm của thương mại biên giới Việt - Trung có mấy điểm đáng chú ý sau:

- Tình trạng buôn lậu khá phổ biến và rất khó kiểm soát chính xác việc buôn bán tiểu ngạch dọc biên giới giữa hai nước nên thống kê giữa hai nước về loại hình thương mại này không chính xác và thường vênh nhau;

- Doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp Việt Nam, thường bị động do cơ chế chính sách giữa hai nước còn nhiều điểm chưa tương đồng, đặc biệt do phía Trung Quốc thường xuyên thay đổi cơ chế, chính sách thương mại;

- Trong thời gian dài, chính sách biên mậu với Trung Quốc và quản lý nhà nước Việt Nam còn khá dễ dãi nên đã tạo ra sự cạnh tranh thiếu công bằng đối với các doanh nghiệp Việt Nam làm ăn chân chính;

- Nguồn nguyên liệu từ nông sản khi thừa, khi thiếu, không ổn định đã gây khó khăn cho việc phát triển các doanh nghiệp chế biến nông sản, và trong thực tế nhiều doanh nghiệp đã phá sản do nguồn nguyên liệu bị thương nhân Trung Quốc thao túng;

- Sự dễ dãi của thị trường Trung Quốc trong việc nhập khẩu các nông sản thô đã khiến cho người nông dân Việt lao theo sản xuất các sản phẩm có chất lượng thấp, sử dụng nhiều hóa chất độc hại, không an toàn, không nâng cấp đổi mới sản phẩm, dẫn đến hậu quả là khi doanh nghiệp Trung Quốc không mua nữa thì các sản phẩm với chất lượng như vậy không thể bán được vào thị trường Trung Quốc.

2. Quan điểm và định hướng cải thiện quan hệ thương mại của Việt Nam với Trung Quốc thời gian tới

2.1 Quan điểm cải thiện quan hệ thương mại của Việt Nam với Trung Quốc

Việc cải thiện CCTM giữa Việt Nam và Trung Quốc từ nay đến năm 2020 phải được thực hiện dựa trên các quan điểm sau:

⁹ Hà Hồng Vân, "Những đặc trưng cơ bản của quan hệ thương mại Việt Nam-Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1 (161)/2015, tr. 21-23; và <http://www.vnmedia.vn/bds-tai-chinh/201601/su-that-ve-thuong-mai-hang-hoa-tuyen-bien-gioi-viet-trung-516942/>

¹⁰ <http://www.vnmedia.vn/bds-tai-chinh/201601/su-that-ve-thuong-mai-hang-hoa-tuyen-bien-gioi-viet-trung-516942/>

- Cải thiện cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc: CCTM Việt Nam - Trung Quốc chưa thể cân bằng, xu hướng nhập khẩu từ Trung Quốc vẫn lớn hơn nhiều so với xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Trung Quốc. Vì vậy, cần thực hiện việc bù đắp sự thâm hụt CCTM sao cho không ảnh hưởng tới cán cân thanh toán và nợ quốc tế, đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ và tỷ giá hối đoái, hạn chế lạm phát; chỉ số giữa tăng trưởng nhập khẩu trên tăng trưởng xuất khẩu giữa hai nước một cách hợp lý.

- Cải thiện cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc phải thực hiện theo hướng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng cường thu hút vốn, công nghệ bên ngoài để ổn định sản xuất và tiêu dùng trong nước.

- Cải thiện CCTM Việt Nam - Trung Quốc cần thực hiện bằng những giải pháp mang tính tổng thể, đồng bộ của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều địa phương có chung đường biên giới với Trung Quốc.

- Cải thiện CCTM Việt Nam - Trung Quốc phải phù hợp với tiến trình thực hiện các cam kết với WTO.

2.2. Hướng điều chỉnh cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc trong quá trình Việt Nam thực hiện các cam kết của WTO và ACFTA

- Phát triển xuất khẩu, đặc biệt là tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến và dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu. Hiện nay, Trung Quốc đang là bạn hàng nhập khẩu số 1 về cao su, hạt điều, thứ 3 về thủy sản, là nước nhập khẩu trên 56% giá trị rau quả tươi xuất khẩu của Việt Nam. Đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc là một vấn đề mang tính “công xưởng” của thế giới và sẽ còn phát triển nhanh trong những năm tới. Vấn đề đặt ra ở đây là nếu như cơ cấu hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc không có những bước chuyển mạnh mẽ từ xuất khẩu hàng thô sang những mặt hàng có hàm lượng giá trị gia tăng cao thì việc cải thiện CCTM sẽ rất khó thực hiện.

- Tăng tỷ trọng nhập khẩu thiết bị máy móc từ các nước có công nghệ hiện đại như Mỹ, EU, Nhật Bản,... Tuyệt đối không nhập khẩu thiết bị, máy móc, công nghệ lạc hậu, để nhanh

chóng đổi mới công nghệ, tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm, đồng thời, tạo điều kiện để phát triển các ngành công nghệ hỗ trợ thay thế nhập khẩu nguyên liệu từ thị trường Trung Quốc.

- Cải thiện tỷ giá hối đoái giữa đồng VND và NDT một cách linh hoạt và thiết lập hệ thống ngân hàng ở các cửa khẩu biên giới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động XNK giữa hai nước mà không gây biến động xấu đối với nền kinh tế Việt Nam.

3. Các giải pháp nhằm cải thiện quan hệ thương mại của Việt Nam với Trung Quốc trong thời gian tới

3.1. Nhóm giải pháp trước mắt

Để nhanh chóng cải thiện CCTM giữa Việt Nam - Trung Quốc, trước mắt chúng ta cần nhanh chóng thực hiện một số giải pháp sau:

- Rà soát lại tất cả các nhóm hàng hóa nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc trên cơ sở mức thuế đã được cam kết giữa hai nước, Việt Nam trước mắt nhanh chóng điều chỉnh kịp thời một số loại hàng hóa mà Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc có mức thuế thấp hơn so với mức đã cam kết, với giải pháp này có thể mang lại kết quả cải thiện CCTM trong thời kỳ tới.

- Cần quản lý chặt chẽ hơn việc mua bán, trao đổi hàng hóa tại các cửa khẩu biên giới Việt-Trung.

- Trong lúc chúng ta chưa có ngay một số tiêu chuẩn kỹ thuật đối với một số hàng hóa của Trung Quốc vào nước ta, trước mắt chúng ta áp dụng ngay tiêu chuẩn kỹ thuật của một số nước trong khối ASEAN như Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Singapore,... để nhanh chóng hạn chế một số hàng của Trung Quốc chưa đảm bảo chất lượng nhập khẩu vào nước ta.

3.2. Nhóm giải pháp lâu dài

- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc trên cơ sở khai thác lợi thế của Việt Nam, đặc biệt khuyến khích xuất khẩu chính ngạch và các mặt hàng chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao. Cần chú ý khai thác các lợi ích từ thị trường Trung Quốc, hạn chế các nguy cơ bị Trung Quốc lợi dụng ngay từ khi hoạch định các chính sách kinh tế, thương mại.

- Hoàn thiện chính sách quản lý nhập khẩu theo hướng không để nhập siêu từ Trung Quốc

tăng quá mức. Để thực hiện điều đó ta cần thực hiện những biện pháp sau: (i) Tăng cường kiểm soát nhập khẩu thông qua ngăn chặn việc nhập lậu hàng từ các nước ASEAN và Trung Quốc để bảo vệ hàng sản xuất trong nước và người tiêu dùng; (ii) Hoàn thiện và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đối với công nghệ nhập khẩu để hạn chế nhập khẩu công nghệ lạc hậu, công nghệ cũ; (iii) Đơn giản hơn nữa thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu, bao gồm cả giấy phép quản lý bởi các cơ quan chuyên ngành, mở rộng hơn nữa đối tượng cho phép tham gia xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và cá nhân kinh doanh; (iv) Các sắc thuế cần khuyến khích nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu phục vụ hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng thiết yếu, hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng xa xỉ, xem xét giảm những mặt hàng không khuyến khích xuất khẩu; (v) Thiết lập và sử dụng tốt các hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phi thuế quan phù hợp với quy định của WTO trong quản lý nhập khẩu; (vi) Giám định chặt chẽ chất lượng hàng nhập khẩu đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất, lưu thông trên thị trường nội địa; (vii) Trong chiến lược nhập khẩu từ Trung Quốc cần lưu ý tránh nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho sản xuất không đúng mục đích, ảnh hưởng xấu tới các ngành sản xuất trong nước; giảm rồi tiến đến cấm nhập những hàng hóa máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, đưa lại hiệu quả thấp, gây ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh tái cấu trúc nền kinh tế và phát triển công nghiệp hỗ trợ: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, cơ cấu kinh tế nước ta sẽ có điều kiện chuyển đổi về chất, gắn kết với cơ cấu kinh tế khu vực, làm tăng năng lực cạnh tranh và khả năng tăng trưởng kinh tế cũng như đáp ứng yêu cầu của phân công lao động và hợp tác quốc tế và khu vực. Chuyển từ mô hình gia công, lắp ráp theo mô đun sang mô hình tích hợp sản xuất và phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ trong chế biến nông sản, công nghiệp dệt may, ô tô, xe máy, điện tử,... có ý nghĩa đặc biệt hướng tới giảm nhập siêu trong dài hạn.

- Tiến hành đa dạng hóa thị trường, trong đó

thúc đẩy và củng cố quan hệ thương mại với Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN. Cải thiện môi trường đầu tư để tận dụng cơ hội một khi kinh tế Trung Quốc suy giảm và căng thẳng với Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc, các dòng vốn FDI sẽ dịch chuyển ra khỏi Trung Quốc tìm nơi đầu tư an toàn và thuận lợi hơn như đang diễn ra trong vài năm qua. Đồng thời, phải có các biện pháp để thu hút có chọn lọc đầu tư từ Trung Quốc phù hợp với định hướng phát triển kinh tế Việt Nam.

- Đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện và sâu sắc: (i) Tích cực thực hiện cam kết trong các FTA khu vực và song phương đã ký, đặc biệt là thực hiện CEPT/AFTA, ACFTA, BTA Việt Nam - Hoa Kỳ, VEFTA, VKFTA, TPP, và AEC. Xây dựng một lộ trình hội nhập cụ thể để các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp khẩn trương sắp xếp lại và nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm cho hội nhập có hiệu quả; (ii) Đặc biệt, tận dụng cơ hội có được một khi TPP có hiệu lực: Thực trạng cấu trúc nền kinh tế và mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp, khả năng nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc trong các năm tới có thể vẫn chưa thay đổi nhiều. Tuy vậy, điều này có thể được cải thiện mạnh mẽ, nếu Việt Nam biết tận dụng tốt các cơ hội do TPP mang lại. Để có thể đạt được điều đó, các doanh nghiệp xuất khẩu tại Việt Nam phải chú ý hơn đến nguyên tắc xuất xứ hàng hóa để được hưởng các ưu đãi thuế suất từ TPP bằng cách chuyển sang nhập khẩu các yếu tố đầu vào từ các nước thành viên TPP, thay vì tiếp tục nhập khẩu từ Trung Quốc. Đồng thời, phải có các chính sách và biện pháp khôn khéo và hợp lý để thu hút có chọn lọc làn sóng đầu tư từ Trung Quốc vào một số ngành và địa phương ở Việt Nam để cùng hưởng lợi do TPP mang lại cho Việt Nam.

- Đồng thời với việc thúc đẩy xuất khẩu, Việt Nam cũng cần chú ý khai thác và phát triển bền vững thị trường trong nước: Phương thức hữu dụng nhất trong bối cảnh quốc tế nhiều biến động hiện nay nước ta cần áp dụng là CNH hướng vào xuất khẩu và phát triển bền vững thị trường trong nước. Từ cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu năm 2008 và

sự bất ổn kinh tế của nhiều quốc gia đã cho thấy chính sách khuyến khích tiêu dùng, kích cầu tiêu dùng là con đường phát triển bền vững, ổn định. Phát triển bền vững thị trường trong nước cũng có nghĩa là học tập tư duy mới là thúc đẩy điều chỉnh chính sách với trọng tâm là đẩy mạnh tiêu dùng. Những trọng tâm chủ yếu là: (i) Nâng cao năng lực tiêu dùng của dân cư; (ii) Cải thiện xu hướng tiêu dùng của người dân; và (iii) Tăng cơ cấu tiêu dùng các sản phẩm dịch vụ.

- Một số giải pháp khác: Ngoài những giải pháp chủ yếu trên, Việt Nam có thể thực hiện thêm các giải pháp sau: (i) Tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại; (ii) Tăng cường phát triển hoạt động thương mại biên giới Việt - Trung và quản lý việc mua bán, trao đổi hàng hóa tại các chợ vùng biên; (iii) Hoàn thiện hệ thống chính sách thương mại cho phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước.

III. Kết luận

Trung Quốc đang và tiếp tục là đối tác chiến lược thương mại quan trọng nhất của Việt Nam. Kim ngạch buôn bán song phương không ngừng tăng qua các năm, đặc biệt từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO. Qua nghiên cứu thực trạng quan hệ thương mại hai nước từ năm 2000 đến nay, có thể nhận thấy tình trạng nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc đang diễn ra ở mức báo động và

Việt Nam đang bị phụ thuộc ngày càng nghiêm trọng vào thị trường Trung Quốc. Điều đó đã và đang tác động không nhỏ, nhất là ở những khía cạnh tiêu cực đối với kinh tế Việt Nam.

Muốn giải quyết vấn đề này từ gốc rễ, chỉ có một con đường là điều chỉnh cơ chế quản lý xuất nhập khẩu (XNK) với Trung Quốc hiện còn rất lỏng lẻo, thoát khỏi sự phụ thuộc nặng nề vào thị trường Trung Quốc, đổi mới cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu lạc hậu và bất lợi cho Việt Nam, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam. Việc Trung Quốc chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa vào nhập khẩu kích cầu nội địa cũng là một nhân tố mới giúp Việt Nam cải thiện quan hệ thương mại song phương nếu các doanh nghiệp Việt Nam biết nắm bắt cơ hội này để đẩy mạnh xuất khẩu sang nước bạn các mặt hàng thế mạnh mà Trung Quốc có nhu cầu lớn.

Để giảm nhập siêu và giảm phụ thuộc vào Trung Quốc, Việt Nam chắc chắn phải có sự đổi mới toàn diện và căn bản về mặt cơ cấu kinh tế, từ đó chuyển đổi mô hình sản xuất, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nâng cấp cơ cấu XNK hiện tại. Việt Nam cần từng bước tìm cách để có thể tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ở phân đoạn cao hơn hiện nay có thể giảm được nhập siêu với Trung Quốc nói riêng và thế giới nói chung, từ đó bắt kịp các nước phát triển khác trong khu vực và thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Công thương, 2011. Đề án *Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, tầm nhìn đến 2030*.
- [2] Cục Xúc tiến Thương mại (Vietrade) - Bộ Công thương, 2010. *Báo cáo xúc tiến xuất khẩu 2009 - 2010*.
- [3] Nguyễn Minh Cường, 2011. Tại sao Việt Nam lại nhập siêu mạnh từ Trung Quốc?, *Báo Sài Gòn tiếp thị*.
- [4] Lê Anh Hùng, *Kinh tế Việt Nam nguy cơ chìm ngòm trong vòng xoáy Hàn hóa*, <http://www.voatiengviet.com/content/kinh-te-viet-nam-nguy-co-chim-nghom-trong-vong-xoay-han-hoa/3223225.html>.
- [5] Nguyễn Đức Kha và Nguyễn Hải Ninh, 2011. Tăng cường quản lý Nhà nước về nhập khẩu trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020*, Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

- [6] Lương Văn Khôi và cộng tác viên, 2012. *Phân tích định lượng để tìm ra nguyên nhân nhập siêu cao và kéo dài của nền kinh tế Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
- [7] Hà Thị Hương Lan, 2012. Công nghiệp hỗ trợ, giải pháp hạn chế nhập siêu, *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp*, số 12.
- [8] Nguyễn Văn Lịch, 2009. *Quan hệ hợp tác kinh tế của Việt Nam với Trung Quốc*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX.01.01/06-10, Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Công thương.
- [9] Lê Đăng Doanh, 2014. Hội nhập quốc tế, chủ quyền kinh tế, và độc lập tự chủ. *Kỷ yếu hội thảo Tự chủ kinh tế trong một thế giới phụ thuộc lẫn nhau*, VCCI tổ chức tháng 7/2014.
- [10] Phan Kim Nga, 2010. Đặc trưng của thương mại Trung - Việt và phân tích nguyên nhân của nó, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 9.
- [11] Phạm Thái Quốc, 2010. Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc: Một số đánh giá bước đầu, *Tạp chí Khoa học, ĐHQG Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh* 26(2010), tr.207-217;
- [12] Tô Trung Thành, Nguyễn Trí Dũng, 2012. Chương 4: Thách thức thâm hụt thương mại, trong *Báo cáo kinh tế vĩ mô 2012: Từ bất ổn vĩ mô đến con đường tái cơ cấu*, NXB Tri thức, Hà Nội.
- [13] *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, các số trong các năm 2012 - 2015.
- [14] Trần Văn Thọ, 2010. Việt Nam trước sự trỗi dậy của Trung Quốc, *Tạp chí Nghiên cứu và thảo luận Thời đại mới*, số 19.
- [15] Nguyễn Thị Nhật Thu, 2015. Chuyên đề tiến sĩ 1 *Thực trạng cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc giai đoạn 2002-2012*, Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội.
- [16] Nguyễn Văn Thụ, 2014. *Đa dạng hóa nguồn cung máy móc thiết bị và cơ hội của ngành cơ khí*, Hiệp hội cơ khí Việt Nam.
- [17] Thủ tướng chính phủ, 2011. *Quyết định phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020 và định hướng đến năm 2030*, số 247/QĐ-TTg.
- [18] Tổng cục Hải quan, 2014. *Niên giám thống kê*.
- [19] Lưu Ngọc Trinh, 2015. Đề tài cấp cơ sở Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, *Giải pháp cải thiện cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc*.
- [20] Hà Hồng Vân, 2015. Những đặc trưng cơ bản của quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 1(161)/2015, tr.20.